

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST

Ngày 19/6/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh.

2. Ông Hoàng Đình Mùi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa : Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST - HNGĐ, ngày 09/3/2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 32/2018/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/6/2018).

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Đồng Thị N trình bày: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện kết hôn ngày 08/6/2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V. Vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng khoảng sáu năm thì ra ở riêng tại bản L, xã P. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 do anh T nghiện ma túy nên thường xuyên kiêu căng chửi mắng vợ con, thường xuyên chơi bời không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, bản thân chị đã vì con cái nên khuyên bảo tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ năm 2015 cho đến nay chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Chị N không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do chị bị tại nạn giao thông gây chân và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa anh Đinh Văn T trình bày: Việc đăng ký kết hôn và cuộc sống chung của vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Nhưng về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị N có quan hệ ngoại tình, từ đó anh mới sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con và gia đình, hiện tại anh đang đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Chị N làm đơn đề nghị xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh T và chị N có ba con chung là Đinh Thị D, sinh ngày 01/11/2004; Đinh Thị Ánh D1, sinh ngày 23/7/2007 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 14/4/2010. Ba con chung đã trên 7 tuổi có nguyện vọng bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ. Chị N có nguyện vọng nhận nuôi cả ba con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả ba con nhưng các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên anh đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự việc chị N vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đồng Thị N: Xử cho chị Đồng Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn T. Về con chung: giao ba con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giao giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST- HNGĐ nhưng anh T vắng mặt không lý do. Tòa án tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/2018/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại phiên tòa hôm nay anh Đinh Văn T đã có mặt. Chị Đồng Thị N đã nhận được thông báo mở lại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Chị Đồng Thị N và anh Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 08/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh T sử dụng ma túy, chửi mắng vợ con, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2015 đến nay anh chị sống ly thân, hiện tại chị N và anh T không còn tình cảm, không còn sự quan tâm đến nhau nữa thể hiện hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị N phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có ba con chung là Đinh Thị D, sinh ngày 01/11/2004; Đinh Thị Ánh D1, sinh ngày 23/7/2007 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 14/4/2010, các con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Chị N có nguyện vọng được nuôi cả ba con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả ba con nhưng các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên anh đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp đảm bảo quyền lợi nguyện vọng của con chưa thành niên và phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị **Đồng Thị N** được ly hôn anh **Đinh Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị N trực tiếp nuôi các con chung là Đinh Thị D, sinh ngày 01/11/2004; Đinh Thị Ánh D1, sinh ngày 23/7/2007 và Đinh Tuấn A, sinh ngày 14/4/2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2013/04077 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đồng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự; UBND xã P;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Minh Hải

